

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI KÌ I – môn Khoa học Tự nhiên 6

Từ bài 4 – bài 21 (HS học ghi nhớ SGK)

CÂU HỎI THAM KHẢO

- Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là
A. đêximét (dm). B. mét (m). C. Centtimét (cm). D. milimét (mm).
- Giới hạn đo của một thước là
A. Chiều dài lớn nhất ghi trên thước. B. Chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước.
C. Chiều dài giữa hai vạch liên tiếp trên thước. D. Chiều dài giữa hai vạch chia nhỏ nhất trên thước.
- Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là
A. tấn. B. miligam. C. kiôgam. D. gam.
- Trên vỏ một hộp bánh có ghi 500g, con số này có ý nghĩa gì?
A. Khối lượng bánh trong hộp. B. Khối lượng cả bánh trong hộp và vỏ hộp,
C. Sức nặng của hộp bánh. D. Thể tích của hộp bánh.
- Cân một túi hoa quả, kết quả là 14 533g. Độ chia nhỏ nhất của cân đã dùng là
A. 1g. B. 5g. C. 10g. D. 100 g.
- Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là
A. tuần. B. ngày. C. giây. D. giờ.
- Trước khi đo thời gian của một hoạt động ta thường ước lượng khoảng thời gian của hoạt động đó để
A. lựa chọn đồng hồ đo phù hợp. B. đặt mắt đúng cách.
C. đọc kết quả đo chính xác. D. hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách.
- Cho các bước đo thời gian của một hoạt động gồm:
(1) Đặt mắt nhìn đúng cách.
(2) Ước lượng thời gian hoạt động cần đo để chọn đồng hồ thích hợp.
(3) Hiệu chỉnh đồng hồ đo đúng cách.
(4) Đọc, ghi kết quả đo đúng quy định.
(5) Thực hiện phép đo thời gian.
Thứ tự đúng các bước thực hiện để đo thời gian của một hoạt động là:
A. (1), (2), (3), (4), (5). B. 3), (2), (5), (4), (1).
C. (2), (3), (5), (1), (4). D. (2), (1), (3), (5) (4).
- Phát biểu nào sau đây không đúng?
A. Chất lỏng co lại khi lạnh đi.
B. Độ giãn nở vì nhiệt của các chất lỏng khác nhau là như nhau,
C. Khi nhiệt độ thay đổi thì thể tích chất lỏng thay đổi.
D. Chất lỏng nở ra khi nóng lên,
- Nhiệt kế thủy ngân không thể đo nhiệt độ nào trong các nhiệt độ sau?
A. Nhiệt độ của nước đá. B. Nhiệt độ cơ thể người.
C. Nhiệt độ khí quyển. D. Nhiệt độ của một lò luyện kim.
- Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong các câu sau:
a) ... là số đo độ “nóng, “lạnh” của một vật,
b) Người ta dùng ... để đo nhiệt độ.
c) Đơn vị đo nhiệt độ thường dùng trong cuộc sống hàng ngày ở Việt Nam là...
- Dung nói rằng, khi sử dụng nhiệt kế thủy ngân phải chú ý bốn điểm sau:

A. Giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của nhiệt kế.

B. Không cắm vào bầu nhiệt kế khi đo nhiệt độ.

C. Hiệu chỉnh về vạch số 0.
nhiệt độ.

D. Cho bầu nhiệt kế tiếp xúc với vật cần đo

Dung đã nói sai ở điểm nào?

13. Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo là

A. vật thể nhân tạo đẹp hơn vật thể tự nhiên.

B. vật thể nhân tạo do con người tạo ra.

C. vật thể tự nhiên làm từ chất, còn vật thể nhân tạo làm từ vật liệu.

D. vật thể tự nhiên làm từ các chất trong tự nhiên, vật thể nhân tạo làm từ các chất nhân tạo.

14. Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể vô sinh và vật thể hữu sinh là:

A. vật thể vô sinh không xuất phát từ cơ thể sống, vật thể hữu sinh xuất phát từ cơ thể sống.

B. vật thể vô sinh không có các đặc điểm như trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng và phát triển, sinh sản, cảm nghĩ, còn vật thể hữu sinh có các đặc điểm trên.

C. vật thể vô sinh là vật thể đã chết, vật thể hữu sinh là vật thể còn sống.

D. vật thể vô sinh là vật thể không có khả năng sinh sản, vật thể hữu sinh luôn luôn sinh sản.

15. Bạn An lấy một viên đá lạnh nhỏ ở trong tủ lạnh rồi bỏ lên chiếc đĩa. Khoảng một giờ sau, bạn An không thấy viên đá lạnh đâu nữa mà thấy nước trải đều trên mặt đĩa. Bạn An để luôn vậy và ra làm rau cùng mẹ. Đến trưa, bạn đến lấy chiếc đĩa ra để rửa thì không còn thấy nước.

a) Theo em, nước đã biến đâu mất?

b) Nước có thể tồn tại ở những thể nào?

c) Hãy vẽ sơ đồ mô tả sự biến đổi giữa các thể của nước?

d) Tại sao lại có hiện tượng nước trải đều trên mặt đĩa?

e) Nếu để một cốc có chứa đá lạnh bên trong, sau một thời gian thấy có nước ở bên ngoài cốc. Giải thích tại sao có hiện tượng đó.

16. Tất cả các trường hợp nào sau đây đều là chất?

A. Đường mía, muối ăn, con dao.

B. Con dao, đôi đũa, cái thìa nhôm.

C. Nhôm, muối ăn, đường mía.

D. Con dao, đôi đũa, muối ăn,

17. Tính chất nào sau đây là tính chất hoá học của khí carbon dioxide?

A. Chất khí, không màu.

B. Không mùi, không vị.

C. Tan rất ít trong nước.

D. Làm đục dung dịch nước vôi trong (dung dịch calcium

hydroxide).

18. Các chất dưới đây tồn tại ở thể nào trong điều kiện thường? Hãy liệt kê một số tính chất vật lí của các chất đó.

a) Đường mía (sucrose).

b) Muối ăn (sodium chloride).

c) Sắt (iron).

d) Nước.

19. Giấm ăn (chứa acetic acid) có những tính chất sau: là chất lỏng, không màu, vị chua, hòa tan được một số chất khác, làm giấy quỳ màu tím chuyển sang màu đỏ; khi cho giấm vào bột vôi trụng thì có hiện tượng sủi bọt khí. Theo em, trong các tính chất trên, đâu là tính chất vật lí, đâu là tính chất hoá học của giấm ăn.

20. Hãy giải thích tại sao khi nhiệt độ cơ thể càng cao thì cột thuỷ ngân trong nhiệt kế càng tăng lên.

21. Ghi đúng (Đ), Sai (S) vào cột trống.

Nội dung	Đ/S
Vật thể được tạo từ chất	
Quá trình có xuất hiện chất mới nghĩa là nó thể hiện tính chất hóa học của chất	
Kích thước miếng nhôm càng to thì khối lượng riêng của nhôm càng lớn	
Mỗi chất có những tính chất nhất định, không đổi	

22. Oxygen có tính chất nào sau đây?

- A. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nặng hơn không khí, không duy trì sự cháy.
- B. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.
- C. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nhẹ hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.
- D. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan nhiều trong nước, nặng hơn không khí, duy trì sự cháy và sự sống.

23. Để phân biệt 2 chất khí là oxygen và carbon dioxide, em nên lựa chọn cách nào dưới đây?

- A. Quan sát màu sắc của 2 khí đó.
- B. Ngửi mùi của 2 khí đó.
- C. Oxygen duy trì sự sống và sự cháy.
- D. Dẫn từng khí vào cây nến đang cháy, khí nào làm nến cháy tiếp thì đó là oxygen, khí làm tắt nến là carbon dioxide.

24. Sự cháy và sự oxi hoá chậm có điểm chung là đều

- A. toả nhiệt và phát sáng
- B. toả nhiệt và không phát sáng.
- C. xảy ra sự oxi hoá và có toả nhiệt.
- D. xảy ra sự oxi hoá và không phát sáng.

25. Chiều chủ nhật, dưới sự hướng dẫn của bố, bạn Thanh tập sử dụng bình chữa cháy. Đầu tiên bạn đốt một ít giấy vụn, sau đó bạn giật chốt bình chữa cháy rồi phun vào đám cháy. Chỉ một lát sau, đám cháy được dập tắt hoàn toàn.

- a) Chất nào đã duy trì sự cháy của các tờ giấy vụn?
- b) Muốn dập tắt vật đang cháy ta phải thực hiện nguyên tắc nào?
- c) Tại sao khi phun chất từ bình cứu hỏa vào đám cháy thì đám cháy lại bị dập tắt?

26. Chất nào sau đây chiếm tỉ lệ thể tích lớn nhất trong không khí?

- A. Oxygen.
- B. Hydrogen.
- C. Nitrogen.
- D. Carbon dioxide

27. Thành phần nào của không khí là nguyên nhân chủ yếu gây ra hiệu ứng nhà kính?

- A. Oxygen.
- B. Hidrogen.
- C. Carbon dioxide.
- D. Nitrogen.

28. Thành phần nào sau đây không được sinh ra từ quá trình đốt nhiên liệu hoá thạch?

- A. Carbon dioxide.
- B. Oxygen.
- C. Chất bụi
- D. Nitrogen.

29. Chất nào sau đây chiếm khoảng 0,03 % thể tích không khí?

- A. Nitrogen.
- B. Oxygen.

C. Sunfur dioxide.

D. Carbon dioxide.

30. Biểu hiện nào sau đây không phải là biểu hiện của sự ô nhiễm môi trường?

A. Không khí có mùi khó chịu.

B. Da bị kích ứng, nhiễm các bệnh đường hô hấp.

C. Mưa axit, bầu trời bị sương mù cả ban ngày.

D. Buổi sáng mai thường có sương đọng trên lá.

31. Sử dụng năng lượng nào gây ô nhiễm môi trường không khí nhiều nhất?

A. Điện gió.

B. Điện mặt trời.

C. Nhiệt điện.

D. Thủy điện.

32. Ngày 1 tháng 1 năm 2016, một vụ tai nạn thảm khốc xảy ra tại lò vôi ở xã Hoàng Giang, huyện Nông Công (tỉnh Thành Hoá) khiến 8 người thiệt mạng do nhiễm khí độc. Điều đáng nói ở đây là các vụ tai nạn tương tự cơ thể xảy đến bất cứ lúc nào bởi các chủ lò vôi ở nhiều địa phương khác vẫn xem nhẹ quy trình xử lí khí độc.

a) Khí thải lò vôi sẽ dẫn đến hậu quả gì đối với môi trường không khí?

b) Nguyên nhân dẫn đến sự thiệt mạng của những người ở trên là gì?

c) Hãy đề xuất biện pháp nhằm giảm thiểu tình trạng gây ô nhiễm môi trường không khí ở khu vực xung quanh lò vôi

d) Em hãy thiết kế tranh tuyên truyền mọi người bảo vệ môi trường không khí ở nơi mình sống?

33. Thế nào là vật liệu?

A. Vật liệu là một số thức ăn được con người sử dụng hàng ngày.

B. Vật liệu là một chất được dùng trong xây dựng như sắt, cát, xi măng, ...

C. Vật liệu là một chất hoặc hỗn hợp một số chất được con người sử dụng như là nguyên liệu đầu vào trong một quá trình sản xuất hoặc chế tạo ra những sản phẩm phục vụ cuộc sống.

D. Vật liệu là gồm nhiều chất trộn lẫn vào nhau.

34. Mô hình 3R có nghĩa là gì?

A. Sử dụng vật liệu có hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.

B. Sử dụng vật liệu với mục tiêu giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng.

C. Sử dụng các vật liệu ít gây ô nhiễm môi trường.

D. Sử dụng vật liệu chất lượng cao, mẫu mã đẹp, hình thức phù hợp.

35. Vật liệu nào sau đây không thể tái chế?

A. Thủy tinh.

B. Thép xây dựng.

C. Nhựa composite.

D. Xi măng.

36. Thế nào là nhiên liệu?

A. Nhiên liệu là một số chất hoặc hỗn hợp chất được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho các quá trình sản xuất hoặc chế tạo.

B. Nhiên liệu là những chất được oxi hoá để cung cấp năng lượng cho hoạt động của cơ thể sống.

C. Nhiên liệu là những vật liệu dùng trong quá trình xây dựng.

D. Nhiên liệu là những chất cháy được dùng để cung cấp năng lượng dạng nhiệt hoặc ánh sáng nhằm phục vụ mục đích sử dụng của con người

37. Nhiên liệu nào sau đây không phải nhiên liệu hoá thạch?

A. Than đá.

B. Dầu mỏ.

C. Khí tự nhiên.

D. Ethanol.

38. Để củi dễ cháy khi đun nấu, người ta không dùng biện pháp nào sau đây?

A. Phơi củi cho thật khô.

B. Cung cấp đầy đủ oxygen cho quá trình cháy.

C. Xếp củi chồng lên nhau, càng sát nhau càng tốt.

D. Chẻ nhỏ củi.

39. Để sử dụng gas tiết kiệm, hiệu quả người ta sử dụng biện pháp nào sau đây?

- A. Tùy nhiệt độ cần thiết để điều chỉnh lượng gas.
- B. Tốt nhất nên để gas ở mức độ lớn nhất.
- C. Tốt nhất nên để gas ở mức độ nhỏ nhất.
- D. Ngăn không cho khí gas tiếp xúc với carbon dioxide.

40. Vật thể nào sau đây được xem là nguyên liệu?

- A. Gạch xây dựng.
- B. Đất sét.
- C. Xi măng.
- D. Ngói.

41. Khi dùng gỗ để sản xuất giấy thì người ta sẽ gọi gỗ là

- A. vật liệu.
- B. nguyên liệu.
- C. nhiên liệu.
- D. phế liệu.

42. Người ta khai thác than đá để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện sản xuất điện. Lúc này, than đá được gọi là

- A. vật liệu.
- B. nhiên liệu.
- C. nguyên liệu.
- D. vật liệu hoặc nguyên liệu.

43. Loại nguyên liệu nào sau đây hầu như không thể tái sinh?

- A. Gỗ.
- B. Bông.
- C. Dầu thô.
- D. Nông sản.

44. Em hãy kể tên 4 chất ở thể rắn, 4 chất ở thể lỏng, 4 chất ở thể khí (ở điều kiện thường) mà em biết.

.....

45. Hãy chọn cặp tính chất - ứng dụng phù hợp với các chất đã cho trong bảng dưới đây.

Chất	Tính chất	Ứng dụng
Dây Đồng	1. Có thể hòa tan nhiều chất khác	a. Dùng làm dung môi
Cao su	2. Cháy được trong oxygen	b. Dùng làm dây dẫn điện
Nước	3. Dẫn điện tốt	c. Dùng làm nguyên liệu sản xuất lốp xe
Cồn (Ethanol)	4. Có tính đàn hồi, độ bền cơ học cao	d. Dùng làm nhiên liệu

46. Cây trồng nào sau đây không được xem là cây lương thực?

- A. Lúa gạo.
- B. Ngô.
- C. Mía.
- D. lúa mì.

47. Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

- A. Gạo.
- B. Rau xanh.
- C. Thịt.
- D. Gạo và rau xanh.

48. Gạo sẽ cung cấp chất dinh dưỡng nào nhiều nhất cho cơ thể?

- A. Carbohydrate (chất đường bột).
- B. Protein (chất đạm).
- C. Lipid (chất béo).
- D. Vitamin.

49: Hiện tượng ngộ độc thực phẩm tập thể ngày càng nhiều, nguyên nhân nào dẫn đến ngộ độc thực phẩm?

- A. Thực phẩm nhiễm khuẩn.
- B. Thực phẩm nấu chín.
- C. Rối loạn tiêu hóa thông thường.
- D. Do thức ăn giàu chất béo.

50: Ý nào sau đây không đúng về phòng ngừa ngộ độc thực phẩm.

- A. Ăn thực phẩm có nguồn gốc rõ ràng, còn hạn sử dụng.
- B. Kiểm tra kĩ thực phẩm trước khi ăn.
- C. Đảm bảo thực phẩm đưa vào chế biến món ăn là thực phẩm sạch, không nhiễm hoá chất độc hại.
- D. Ăn những thức ăn chế biến sẵn để nguội.

Bài 15

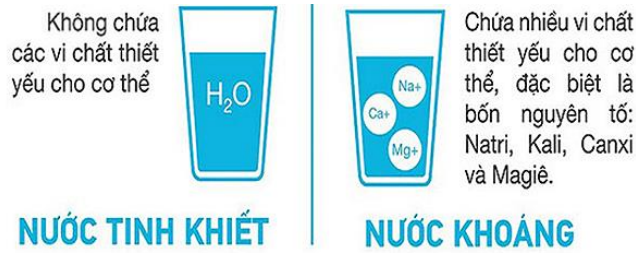
1. Trường hợp nào sau đây là chất tinh khiết?

- A. Gỗ. B. Nước khoáng. C. Sodium chloride. D. Nước biển.

2. Để phân biệt chất tinh khiết và hỗn hợp ta dựa vào

- A. tính chất của chất. B. thể của chất.
C. mùi vị của chất. D. số chất tạo nên.

3. Cho hình ảnh sau đây:



- a) Theo em nước tinh khiết là chất hay hỗn hợp?
b) Tính chất của nước khoáng có thể thay đổi hay không? Tại sao?
c) Trong hai loại nước trên, loại nước nào tốt cho sức khỏe hơn?

4. Điền khái niệm thích hợp vào bảng sau:

Mô tả	Khái niệm
Chất không có lẫn chất khác	
Hai hay nhiều chất trộn vào nhau	
Hai chất trộn vào nhau, thành phần các chất ở mọi vị trí trong hỗn hợp giống nhau.	
Hai chất trộn vào nhau, thành phần các chất không giống nhau ở mọi vị trí trong hỗn hợp giống nhau.	

5. Để biết bột calcium carbonate có tan trong nước hay không chúng ta làm thế nào?

6. Hỗn hợp nào sau đây không được xem là dung dịch?

- A. Hỗn hợp nước đường. B. Hỗn hợp nước muối.
C. Hỗn hợp bột mì và nước khuấy đều. D. Hỗn hợp nước và rượu.

7. Hai chất lỏng không hoà tan vào nhau nhưng khi chịu tác động, chúng lại phân tán vào nhau thì gọi là

- A. dung dịch. B. huyền phù. C. nhũ tương. D. chất tinh khiết.

8. Khi hoà tan bột đá vôi vào nước, chỉ một lượng chất này tan trong nước; phần còn lại làm cho nước bị đục. Hỗn hợp này được coi là

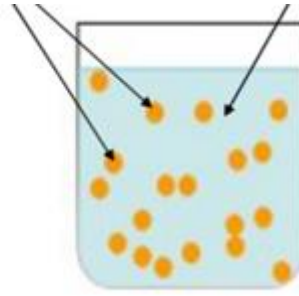
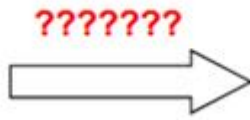
- A. dung dịch. B. chất tan. C. nhũ tương. D. huyền phù.

9. Hình ảnh dưới đây minh hoạ cho trạng thái nào của hỗn hợp?



- A. Dung dịch. B. Huyền phù. C. Nhũ tương. D. Hỗn hợp đồng nhất.

10. Hình ảnh dưới đây mô tả quá trình hình thành,



- A. huyền phù B. nhũ tương. C. dung dịch. D. dung môi.

11. Khi cho bột mì vào nước và khuấy đều, ta thu được

- A. nhũ tương. B. huyền phù. C. dung dịch. D. dung môi.

12. Xác định chất tan, dung môi trong các dung dịch sau:

a) Dung dịch sodium hydroxide.

b) Dung dịch sulfuric acid.

13. Đánh dấu x vào ô phù hợp để xác định trạng thái của các hỗn hợp sau:

Hỗn hợp	Huyền phù	Nhũ tương	Dung dịch
Sữa chua lên men			
Hòa đất vào nước			
Hòa tan muối vào nước			
Sữa tươi			
Dầu gội đầu			
Hòa tan đường vào nước			
Sữa rửa mặt			

14. Hằng năm vào mùa lũ, đồng bằng sông Cửu Long được bù đắp một lượng phù sa rất lớn. Em hãy cho biết:

a) Phù sa ở sông Cửu Long có phải là một dạng huyền phù không?

b) Phù sa có vai trò gì đối với nông dân ở Đồng bằng sông Cửu Long?

Bài 16

1. Phương pháp nào dưới đây là đơn giản nhất để tách cát lẫn trong nước?

- A. Lọc. B. Dùng máy li tâm. C. Chiết. D. Cô cạn.

2. Nếu không may làm đổ dầu ăn vào nước, ta dùng phương pháp nào để tách riêng dầu ăn ra khỏi nước?

- A. Lọc. B. Dùng máy li tâm. C. Chiết. D. Cô cạn.

3. Trong máy lọc nước có nhiều lõi lọc khác nhau. Trong đó, có một lõi làm bằng bông được ép rất chặt.

Theo em, lõi bông đó có tác dụng gì?



Lõi bông lọc nước

A. Lọc chất tan trong nước.

B. Lọc chất không tan trong nước.

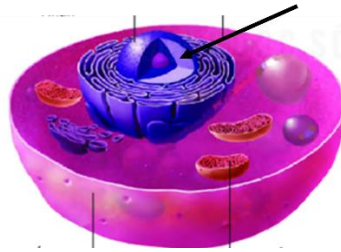
C. Lọc và giữ lại khoáng chất.

D. Lọc hoá chất độc hại.

4. Tác dụng chủ yếu của việc đeo khẩu trang là gì?

A. Tách hơi nước ra khỏi không khí hít vào.

B. Tách oxygen ra khỏi không khí hít vào.



- A. Màng tế bào. B. Chất tế bào. C. Nhân tế bào. D. Vùng nhân

4. Đặc điểm của tế bào nhân thực là

- A. có thành tế bào. B. có chất tế bào.
C. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền. D. có lục lạp.

5. Khi một tế bào lớn lên và sinh sản sẽ có bao nhiêu tế bào mới hình thành?

- A. 8 B. 6 C. 4 D. 2

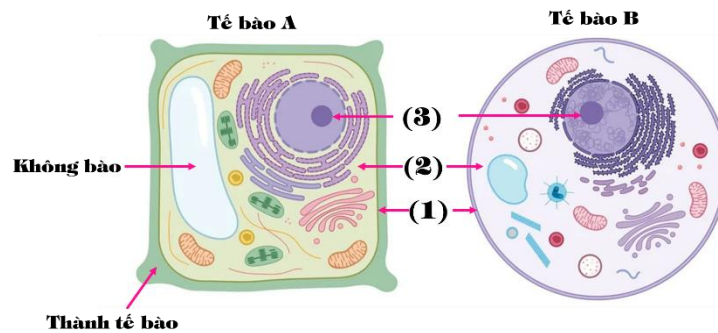
6. Hoàn thành các yêu cầu sau:

a) Tế bào là gì?

b) Điền thông tin còn thiếu về tế bào:

- ... (1) ... cấu tạo nên tế bào thực hiện các chức năng khác nhau trong tế bào.
- ... (2) ... bao bọc xung quanh, bảo vệ tế bào, ... (3) ... chất đi vào và chất đi ra khỏi tế bào.

7. Quan sát sơ đồ cấu tạo tế bào thực vật và tế bào động vật dưới đây.



Gợi ý: Thành tế bào tạo thành bộ khung giúp tế bào có hình dạng nhất định, bảo vệ các thành phần bên trong tế bào; Không bào chứa các chất thải, chất dự trữ.

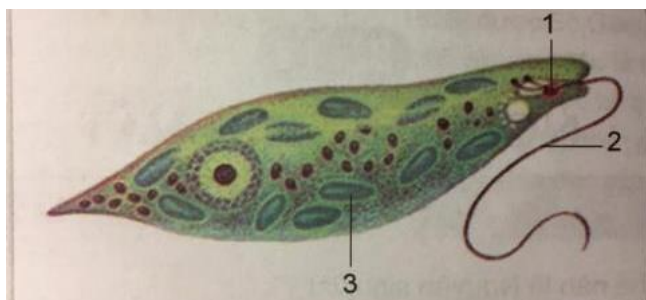
- a) Hãy chú thích tên các thành phần cấu tạo của hai tế bào trên và mô tả chức năng của mỗi thành phần.
b) Xác định tên của tế bào A và B.
c) Lập bảng chỉ ra ba điểm khác nhau giữa hai tế bào.

8. Hãy trả lời các câu hỏi sau:

- a) Cơ thể con người được cấu tạo từ tế bào nhân sơ hay tế bào nhân thực?
b) Các nhà khoa học đã sử dụng dụng cụ gì để quan sát các tế bào sinh vật?
c) Hai đặc điểm khái quát nhất về tế bào là gì?

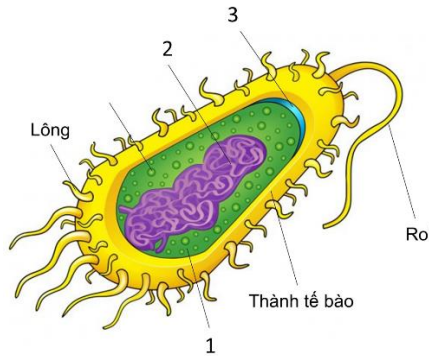
Bài 19

1. Quan sát hình ảnh trùng roi và trả lời các câu hỏi.



a) Thành phần cấu trúc số 3 (có màu xanh) trong hình bên là gì?

- A. Lục lạp. B. Nhân tế bào. C. Không bào. D. Thức ăn.
- b) Chức năng của thành phần cấu trúc số 3 là gì?
 A. Hô hấp. B. Chuyển động. C. Sinh sản. D. Quang hợp.
2. Quan sát hình ảnh bên về vi khuẩn:



- a) Hoàn thành cấu trúc tế bào vi khuẩn bằng cách gọi tên các số (1), (2), (3).
 b) Tế bào vi khuẩn thuộc nhóm tế bào nhân sơ hay tế bào nhân thực? Giải thích.
 c) Dự đoán lông và roi trong cấu trúc tế bào vi khuẩn dùng để làm gì?
 d) So sánh cấu trúc tế bào trùng roi và tế bào vi khuẩn.

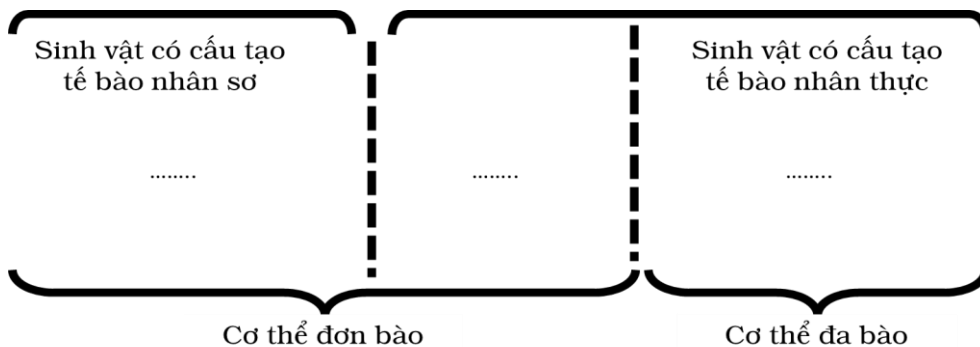
3. Hãy chọn đáp án đúng.

- a) Cơ thể đơn bào là cơ thể được cấu tạo từ
 A. hàng trăm tế bào. B. hàng nghìn tế bào.
 C. một tế bào. D. một số tế bào.
- b)..... cơ thể đơn bào có thể nhìn thấy được bằng mắt thường.
 A. Không có. B. Tất cả. C. Đa số. D. Một số ít.
- c) Cơ thể nào sau đây là cơ thể đơn bào?
 A. Con chó. B. Trùng biến hình. C. Con ốc sên. D. Con cua.

4. Vật sống nào sau đây KHÔNG có cấu tạo cơ thể là đa bào?

- A. Hoa hồng. B. Hoa mai. C. Hoa hướng dương. D. Tảo lục.

5. Cho các sinh vật sau: vi khuẩn lao, chim bồ câu, vi khuẩn E. coli, đà điểu, cây thông, trùng roi, cây táo, trùng biến hình, tảo lục đơn bào. Hãy sắp xếp các đại diện trên vào đúng vị trí trên sơ đồ dưới đây:



6. Hoàn thành các câu sau:

Cơ thể sinh vật được tạo thành từ ...(1)... hay ...(2)..., ... (3)... như trùng roi, trùng biến hình, ...(4)... có kích thước hiển vi và số lượng cá thể nhiều. ...(5)... có cấu tạo nhiều tế bào, ví dụ: động vật, thực vật,...

7. Hãy hoàn thành các yêu cầu sau:

- a) Nêu hai đặc điểm khi nói về cơ thể đơn bào.
 b) Nêu hai đặc điểm khi nói về cơ thể đa bào.

c) Nêu điểm giống nhau giữa cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.

Bài 20

1.

a) Gọi tên các cấp độ tổ chức của cơ thể đa bào từ (1) đến (5) từ thấp đến cao với các gợi ý sau: cơ thể, mô, cơ quan, tế bào, hệ cơ quan.

(1)....., (2)....., (3)....., (4)....., (5).....

b) Cấp độ thấp nhất hoạt động độc lập trong cơ thể đa bào là

A. hệ cơ quan. B. cơ quan. C. mô. D. tế bào.

c) Tập hợp các mô thực hiện cùng một chức năng là:

A. tế bào. B. mô. C. cơ quan. D. hệ cơ quan.

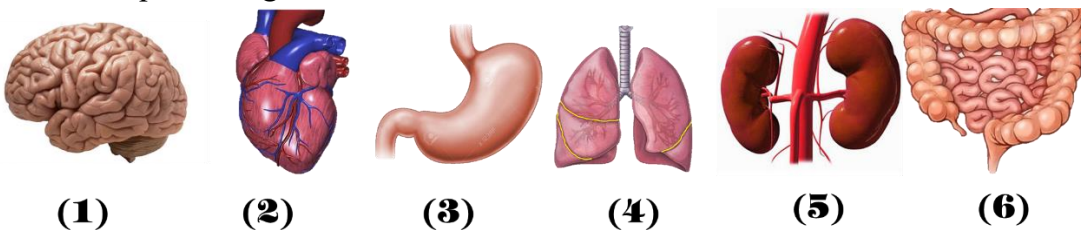
2. Hệ cơ quan ở thực vật bao gồm

A. hệ rễ và hệ thân. B. hệ thân và hệ lá.
C. hệ chồi và hệ rễ. D. hệ cơ và hệ thân.

3. Nối các cấp độ tổ chức trong cơ thể đa bào ở cột A với các định nghĩa tương ứng ở cột B.

Cột A	Cột B
1. Mô	A. bao gồm các tổ chức hoạt động thống nhất và phối hợp nhịp nhàng
2. Hệ cơ quan	B. là tập hợp của nhiều mô cùng thực hiện một chức năng trong cơ thể.
3. Cơ quan	C. Gồm một số cơ quan cùng hoạt động để thực hiện một chức năng nhất định
4. Cơ thể	D. là đơn vị cấu trúc và đơn vị chức năng của mọi cơ thể sống
5. Tế bào	E. là tập hợp một nhóm tế bào giống nhau về hình dạng và cùng thực hiện một chức năng nhất định

4. Quan sát một số cơ quan trong hình sau:



a) Gọi tên các cơ quan tương ứng với mỗi hình

b) Cơ quan (1) thuộc hệ cơ quan nào sau đây?

A. Hệ tuần hoàn. B. Hệ thần kinh.
C. Hệ hô hấp. D. Hệ tiêu hoá.

c) Hệ tiêu hoá gồm các cơ quan nào?

A. (2), (3). B. (3), (4).
C. (3), (5). D. (3), (6).

d) Cơ quan (4) thuộc hệ cơ quan nào sau đây?

A. Hệ tuần hoàn. B. Hệ thần kinh.
C. Hệ hô hấp. D. Hệ tiêu hoá.

e) Cơ quan (5) thuộc hệ cơ quan nào sau đây?

A. Hệ bài tiết. B. Hệ thần kinh.
C. Hệ hô hấp. D. Hệ tiêu hoá.